

Ngày 28/06/2024	19,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.0%	2.1%	-1.0%

Q2/24		
ROE	12.5%	+/- YoY ▲ 5.8%

Q2/24		
DT thuần	1,173	QoQ ▲ 460 ▲ 64.5%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 48.0 ▲ 4.3%

6T 2024		
DT thuần	1,886	YoY ▲ 75.0 ▲ 4.2%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN gộp	25.7	QoQ ▲ 5.60 ▲ 28.0%
tỷ VNĐ		YoY ▼ 0.50 ▼ 1.8%

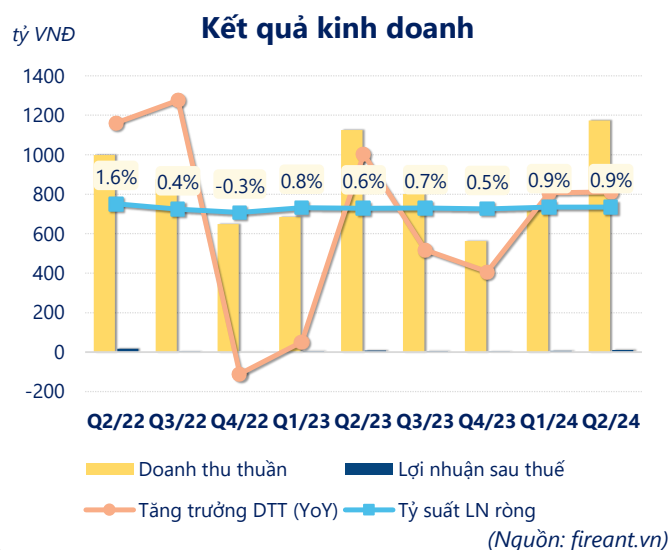
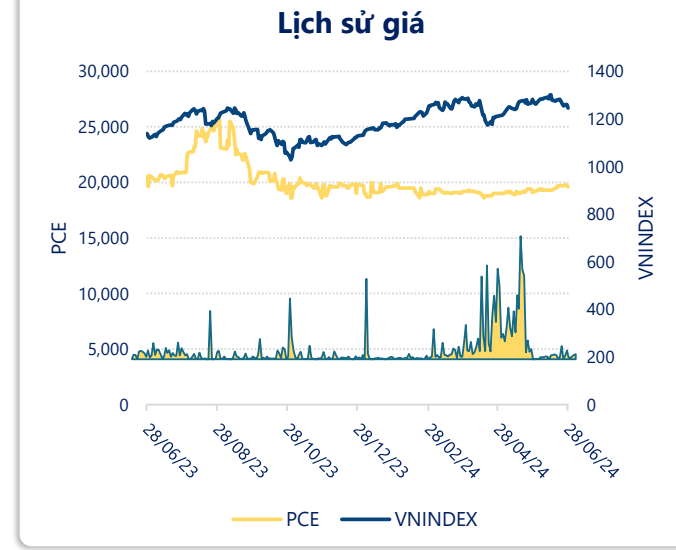
6T 2024		
LN gộp	45.8	YoY ▲ 0.70 ▲ 1.5%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN thuần	13.4	QoQ ▲ 7.25 ▲ 118%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 4.33 ▲ 47.8%

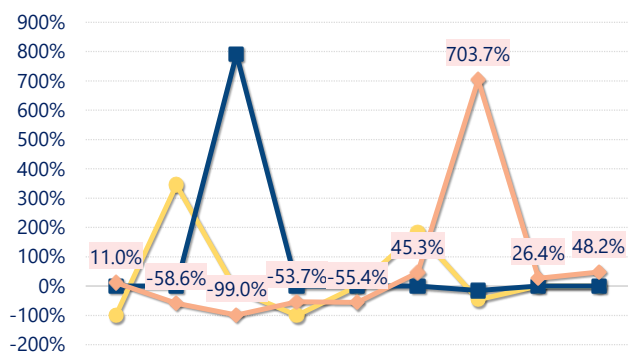
6T 2024		
LN thuần	19.6	YoY ▲ 3.90 ▲ 24.3%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN sau thuế	10.8	QoQ ▲ 4.24 ▲ 64.0%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 3.54 ▲ 48.1%

6T 2024		
LN sau thuế	17.3	YoY ▲ 4.70 ▲ 37.5%
tỷ VNĐ		



Tăng trưởng lợi nhuận

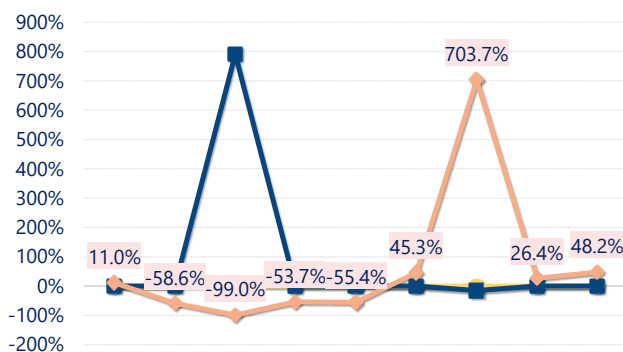


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

Tăng trưởng LN thuần (YoY) Tăng trưởng EBIT (YoY)
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

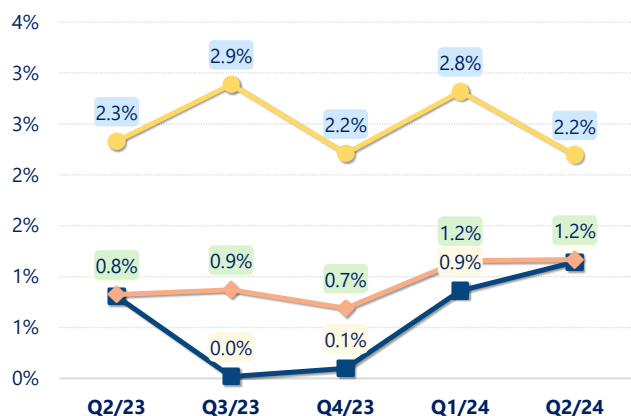


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) Tăng trưởng EBIT (YoY)
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

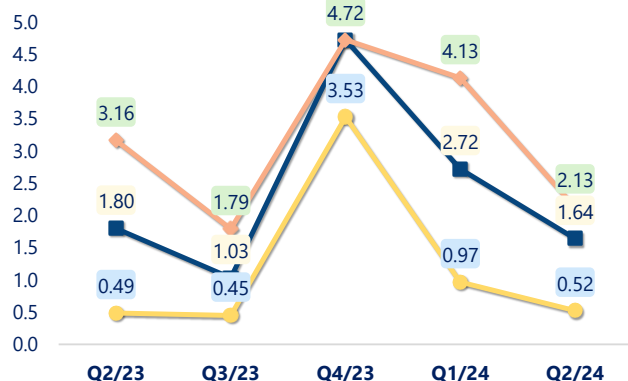


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

Tỷ suất LN góp Tỷ suất LN thuần Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

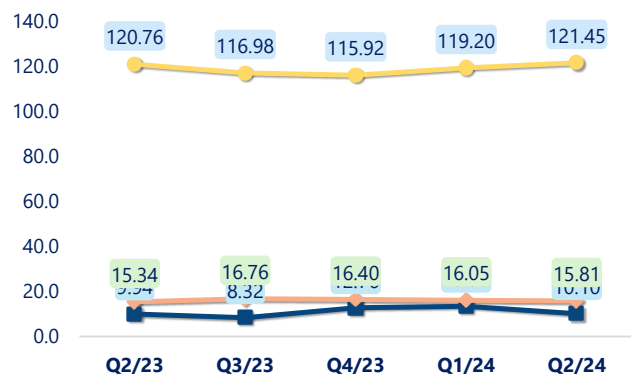


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh
Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

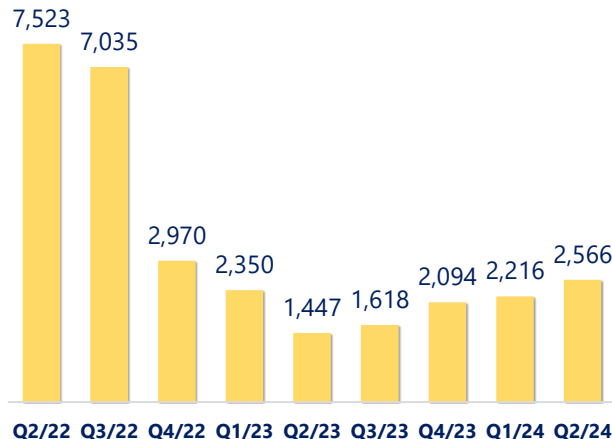


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS
Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,173	1,125	4.3%	1,886	1,811	4.2%
Giá vốn hàng bán	1,147	1,099	4.4%	1,840	1,765	4.2%
Lợi nhuận gộp	25.7	26.2	-1.8%	45.8	45.1	1.5%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.40	-80.9%	0.32	1.06	-69.5%
Chi phí TC	0.24	0.20	19.6%	0.24	0.20	18.2%
Chi phí lãi vay	0.24	0.20	19.6%	0.24	0.20	18.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.24	12.3	-41.2%	16.4	19.7	-16.9%
Chi phí QLDN	4.92	5.06	-2.8%	9.96	10.5	-5.5%
LN thuần từ HĐKD	13.4	9.07	47.8%	19.6	15.7	24.3%
Lợi nhuận khác	0.04	0.00		2.13	0	
LN trước thuế	13.4	9.07	48.2%	21.7	15.7	37.8%
Lợi nhuận sau thuế	10.8	7.26	48.1%	17.3	12.6	37.5%
LNST của CĐ cty mẹ	10.8	7.26	48.1%	17.3	12.6	37.5%

(Nguồn: fireant.vn)

